

Số: 105 /QĐ-EVN

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động pháp chế
trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam**

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 205/2013/NĐ-CP ngày 06/12/2013 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế và văn bản hợp nhất số 4618/VBHN-BTP ngày 12/6/2013 của Bộ Tư pháp.

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế tổ chức và hoạt động pháp chế trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 630/QĐ-EVN ngày 18/10/2011 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động pháp chế trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Điều 3. Tổng Giám đốc EVN, các Phó Tổng Giám đốc EVN, Ban Tổng hợp, Ban Kiểm soát nội bộ Hội đồng thành viên EVN, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban của Cơ quan Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Thủ trưởng các Công ty con do Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ, Người đại diện phần vốn, cổ phần của EVN tại các Công ty con, công ty liên kết chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VP, HĐTV, PC.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Quốc Vượng

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG PHÁP CHẾ TRONG
TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC QUỐC GIA VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 105 /QĐ-EVN ngày 06 tháng 3 năm 2014
của Tập đoàn Điện lực Việt Nam)*

**Chương I
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cụ thể về tổ chức và hoạt động của pháp chế trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam,
- Các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam,
- Các Công ty con do Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ.
- Người đại diện phần vốn góp, cổ phần của EVN tại các Công ty con, công ty liên kết.

Các Công ty con do Tập đoàn Điện lực Việt Nam giữ cổ phần, vốn góp chi phối hoặc nắm quyền chi phối khác, các Công ty liên kết, Công ty tự nguyện liên kết là đối tượng khuyến khích áp dụng Quy chế này.

Điều 2. Định nghĩa và các chữ viết tắt

Trong Quy chế này những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. EVN: Tập đoàn Điện lực Việt Nam
2. Người có thẩm quyền: Là Hội đồng thành viên EVN, Tổng Giám đốc EVN và các Phó Tổng Giám đốc EVN.
3. Ban: được dùng để chỉ Văn phòng, các Ban của Cơ quan EVN và Ban Tổng hợp, Ban Kiểm soát nội bộ của Hội đồng thành viên EVN.
4. Phòng: là các phòng chức năng thuộc cơ cấu tổ chức của các Đơn vị.
5. Cơ quan EVN: là bộ máy quản lý điều hành và bộ máy giúp việc tại trụ sở chính của EVN.

6. Đơn vị: là các đơn vị trực thuộc EVN, các Công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ.

7. Thủ trưởng đơn vị: là người đứng đầu các Đơn vị.

8. Văn bản quy phạm pháp luật: là các văn bản luật, các văn bản hướng dẫn thi hành do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam ban hành theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

9. Quy chế quản lý nội bộ: Là những văn bản có tính bắt buộc chung, có hiệu lực áp dụng nhiều lần với một đối tượng hoặc nhiều đối tượng, do Người có thẩm quyền ban hành theo một trình tự thủ tục và hình thức do EVN quy định, bao gồm: Quy chế hoặc Bộ Quy chế, Quy định hoặc Bộ Quy định, Quy trình hoặc Bộ Quy trình.

Các từ ngữ khác trong Quy chế này đã được giải thích trong Bộ luật dân sự, Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật, các Quy chế quản lý nội bộ của EVN thì có nghĩa như trong các văn bản đó.

Điều 3. Chức năng và nhiệm vụ của tổ chức pháp chế trong EVN

1. Tổ chức pháp chế có chức năng tham mưu giúp Hội đồng thành viên EVN, Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng đơn vị về những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của EVN, của Đơn vị nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của EVN, của Đơn vị.

2. Tổ chức pháp chế thực hiện các nhiệm vụ theo quy định trong Quy chế này.

Điều 4. Các nguyên tắc hoạt động pháp chế trong EVN

1. Nguyên tắc độc lập, khách quan:

Tổ chức pháp chế trong EVN, Đơn vị là một bộ phận chuyên trách, độc lập hoạt động dưới sự quản lý và chỉ đạo của Hội đồng thành viên EVN, Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng đơn vị. Các ý kiến pháp lý do tổ chức pháp chế đưa ra mang tính khách quan, độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

2. Nguyên tắc tự chịu trách nhiệm:

Tổ chức pháp chế tại Cơ quan EVN các Đơn vị chịu trách nhiệm tập thể và cá nhân trước Hội đồng thành viên EVN, Tổng Giám đốc EVN và Thủ trưởng đơn vị về mọi hoạt động của công tác pháp chế trong phạm vi chức năng và quyền hạn của mình.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC PHÁP CHẾ TRONG EVN

Điều 5. Trong công tác xây dựng Quy chế quản lý nội bộ trong EVN

1. Đề xuất với Hội đồng thành viên EVN, Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng đơn vị chương trình xây dựng Quy chế quản lý nội bộ của EVN, của các Đơn vị và

hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện chương trình đó.

2. Trực tiếp soạn thảo hoặc tham gia soạn thảo các Quy chế quản lý nội bộ của EVN và của các Đơn vị để đảm bảo tính pháp lý của các văn bản này.

3. Phối hợp với các ban, phòng liên quan tư vấn, giúp Hội đồng thành viên EVN, Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng Đơn vị trong việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của EVN, Đơn vị.

4. Thẩm định về mặt pháp lý các Quy chế quản lý nội bộ do các Ban, Phòng chức năng soạn thảo.

5. Đầu mối quản lý các Quy chế quản lý nội bộ áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.

6. Phối hợp với các Ban, phòng chức năng hướng dẫn thực hiện các Quy chế quản lý nội bộ đã ban hành.

Điều 6. Trong công tác xây dựng Văn bản Quy phạm pháp luật

1. Làm đầu mối giúp Hội đồng thành viên EVN, Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng đơn vị tham gia góp ý kiến cho các dự thảo Văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở Trung ương và địa phương gửi lấy ý kiến.

2. Đề xuất với Hội đồng thành viên EVN, Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng đơn vị kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung những quy định không phù hợp của các Văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của EVN và của Đơn vị.

Điều 7. Trong công tác tư vấn pháp lý

Tham mưu, tư vấn cho Hội đồng thành viên EVN, Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng Đơn vị về những vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của EVN và các Đơn vị đảm bảo việc tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của EVN, của Đơn vị và người lao động trong EVN. Cụ thể:

1. Tư vấn những vấn đề pháp lý liên quan đến việc tổ chức lại doanh nghiệp: thành lập mới, chia, tách, sáp nhập, giải thể, phá sản, cổ phần hóa, mua, bán doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật thương mại.

2. Tư vấn những vấn đề pháp luật liên quan đến quản lý điều hành doanh nghiệp; phân cấp, ủy quyền, đại diện...

3. Tư vấn trong việc lựa chọn và ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp lý với tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ tư vấn pháp luật trong nước và nước ngoài.

4. Tư vấn về pháp lý trong công tác đầu tư: Lập, quản lý và thực hiện các dự án đầu tư do EVN làm chủ đầu tư; hoạt động đầu tư tài chính- ngân hàng, bất động sản; các hoạt động hợp tác đầu tư, hình thức đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư.

5. Thẩm định về mặt pháp lý các hợp đồng trước khi Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng Đơn vị ký kết.

6. Chủ trì hoặc phối hợp với các Ban, phòng chức năng đàm phán, thẩm định và theo dõi việc thực hiện các hợp đồng theo nhiệm vụ được Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng đơn vị giao;

7. Chủ trì hoặc phối hợp tham gia soạn thảo các mẫu Hợp đồng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của EVN, Đơn vị.

8. Chủ trì trong việc đăng ký bảo hộ bản quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài sản của EVN và của Đơn vị theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ. Khiếu nại với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và phối hợp với các cơ quan hữu quan để xử lý đối với những hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ và quyền tác giả của EVN.

Điều 8. Trong lĩnh vực tố tụng

1. Chủ trì hoặc phối hợp với các Ban, Phòng liên quan giúp Hội đồng thành viên EVN, Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng đơn vị tham gia vào quá trình tố tụng trước các cơ quan tài phán trong và ngoài nước để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của EVN, Đơn vị và của người lao động.

2. Trực tiếp đại diện cho EVN hoặc Đơn vị tiến hành các hoạt động thu thập, nghiên cứu tài liệu liên quan đến vụ việc và tham gia tố tụng nhằm bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của đơn vị mình khi được Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng đơn vị uỷ quyền theo quy định của pháp luật.

3. Chuẩn bị các thủ tục và cơ sở pháp lý cho người đại diện của EVN hoặc Đơn vị tham gia các quan hệ pháp luật phát sinh trong quá trình hoạt động của EVN hoặc Đơn vị.

Điều 9. Trong công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản

1. Thường xuyên thực hiện việc rà soát và hệ thống hóa các Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình và các Quy chế quản lý nội bộ của EVN và Đơn vị.

2. Định kỳ 6 tháng, hàng năm thực hiện việc rà soát và báo cáo Hội đồng thành viên EVN, Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng đơn vị kết quả rà soát, hệ thống hóa các Quy chế quản lý nội bộ của EVN và Đơn vị phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh của EVN, Đơn vị. Đề xuất phương án xử lý các Quy chế quản lý nội bộ mâu thuẫn, chồng chéo, trái pháp luật hoặc không còn phù hợp trình Hội đồng thành viên EVN, Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định. Trình Hội đồng thành viên EVN, Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng đơn vị quyết định công bố danh mục các Quy chế quản lý nội bộ của EVN, Đơn vị đã hết hiệu lực hoặc không tiếp tục áp dụng.

3. Theo dõi, thu thập, nghiên cứu các Văn bản quy phạm pháp luật của các tổ chức quốc tế và của các quốc gia có liên quan đến hoạt động của EVN.

4. Thường xuyên cập nhật các Văn bản quy phạm pháp luật, Quy chế quản lý nội bộ của EVN lên Cổng thông tin pháp chế EVN trên Trang thông tin điện tử nội bộ của EVN để các đơn vị và cá nhân tra cứu sử dụng khi cần thiết.

5. Xây dựng và quản lý tủ sách pháp luật.

Điều 10. Trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, kiểm tra việc thực hiện công tác pháp chế

1. Xây dựng chương trình, nội dung phổ biến và hướng dẫn việc phổ biến pháp luật, các Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của EVN hoặc Đơn vị và các Quy chế quản lý nội bộ của EVN và của Đơn vị.

2. Giám sát, đảm bảo việc tuân thủ pháp luật, các Quy chế quản lý nội bộ của EVN. Kiểm tra, xử lý các Quy chế quản lý nội bộ để đảm bảo ban hành phù hợp với pháp luật.

3. Chủ trì hoặc phối hợp với các Ban, Phòng, các tổ chức có liên quan thường xuyên tuyên truyền, giáo dục pháp luật; Triệt để ứng dụng công nghệ thông tin và đa dạng các hình thức trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và các Quy chế quản lý nội bộ của EVN, của Đơn vị thông qua Cổng thông tin pháp chế, hội nghị truyền hình; Tổ chức tập huấn các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của EVN, các Quy chế quản lý nội bộ của EVN và Đơn vị cho toàn thể cán bộ công nhân viên của Cơ quan EVN và Đơn vị; Xây dựng các bộ câu hỏi, đề thi, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, các quy chế quản lý nội bộ của EVN và Đơn vị.

4. Lập chương trình và kế hoạch triển khai công tác pháp chế hàng năm, trực tiếp hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện công tác pháp chế tại EVN và các Đơn vị.

5. Theo dõi tình hình thực hiện pháp luật và kiểm tra việc thực hiện pháp luật và Quy chế quản lý nội bộ của EVN và Đơn vị.

6. Định kỳ hàng năm, chủ trì hoặc phối hợp với các tổ chức, đơn vị trong ngành tư pháp tổ chức tập huấn nghiệp vụ pháp chế cho toàn thể cán bộ pháp chế trong EVN và Đơn vị.

7. Thực hiện Bản tin pháp luật định kỳ trên trang Thông tin nội bộ và Cổng Thông tin pháp chế.

Điều 11. Trong các hoạt động khác

1. Đầu mối theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình cải cách hành chính của EVN và Đơn vị.

2. Xây dựng và thực hiện quản trị Cổng thông tin pháp chế trên Trang thông tin điện tử nội bộ của EVN.

3. Xây dựng, phát triển và quản trị thương hiệu EVN.

4. Đầu mối theo dõi, đôn đốc và giám sát việc thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ phát triển dự án theo cơ chế phát triển sạch, hợp đồng mua bán chứng nhận phát thải của Dự án theo Cơ chế phát triển sạch (CDM).

5. Tham gia là thành viên của Ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp của EVN hoặc của Đơn vị, tham gia các Hội đồng hoặc Ban chỉ đạo, Tổ Công tác,

Đoàn Thanh tra, Đoàn Kiểm tra khi có yêu cầu của Hội đồng thành viên EVN, Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng các đơn vị.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Hội đồng thành viên EVN, Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng đơn vị giao.

Chương III

TỔ CHỨC PHÁP CHẾ VÀ NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC PHÁP CHẾ

Điều 12. Tổ chức pháp chế trong EVN và Đơn vị

Tổ chức pháp chế trong EVN bao gồm:

1. Tại Cơ quan EVN: Ban Pháp chế.
2. Tại các Đơn vị:

a) Ban Pháp chế tại Cơ quan các Tổng Công ty là Công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ;

b) Phòng Pháp chế hoặc Bộ phận pháp chế chuyên trách hoặc cán bộ làm công tác pháp chế chuyên trách tại các Đơn vị, trừ các Đơn vị quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này.

Điều 13. Ban pháp chế của Cơ quan EVN

1. Ban Pháp chế của Cơ quan EVN là Ban chuyên trách thực hiện công tác pháp chế theo Quy chế này, do Tổng Giám đốc EVN quyết định thành lập sau khi được Hội đồng thành viên EVN chấp thuận để tham mưu giúp Hội đồng thành viên EVN, Tổng Giám đốc EVN trong việc điều hành mọi hoạt động của EVN theo đúng pháp luật.

2. Cơ cấu tổ chức của Ban Pháp chế gồm có: Trưởng Ban, các Phó Trưởng Ban và các chuyên viên pháp chế.

a) Trưởng Ban là người phụ trách chung các công việc của Ban Pháp chế.

b) Phó Trưởng Ban giúp Trưởng Ban chỉ đạo, điều hành một hoặc một số mặt hoạt động của Ban và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban về nhiệm vụ được phân công.

c) Chuyên viên pháp chế thực hiện nhiệm vụ do Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban được giao phụ trách phân công.

3. Việc thành lập, giải thể Ban Pháp chế của Cơ quan EVN và việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng Ban Pháp chế do Tổng Giám đốc EVN quyết định sau khi Hội đồng thành viên EVN thông qua.

4. Ban Pháp chế của Cơ quan EVN làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và chế độ thủ trưởng. Trưởng Ban chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên EVN, Tổng Giám đốc EVN về việc tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Trường hợp Trưởng Ban đi vắng, một Phó Trưởng Ban sẽ được uỷ quyền thay mặt Trưởng Ban điều hành hoạt động của Ban Pháp chế và

chịu trách nhiệm về kết quả những công việc đã giải quyết, sau đó phải báo cáo lại Trưởng Ban.

Điều 14. Tổ chức pháp chế trong các Đơn vị

1. Tổ chức pháp chế ở các Đơn vị do Thủ trưởng đơn vị quyết định thành lập hoặc bố trí cán bộ pháp chế chuyên trách để giúp Thủ trưởng đơn vị trong việc điều hành mọi hoạt động của đơn vị mình theo đúng pháp luật.

2. Mô hình tổ chức pháp chế ở các Đơn vị:

a) Đối với các Tổng công ty là các Công ty con do Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ phải thành lập Ban Pháp chế tại Cơ quan Tổng Công ty.

b) Đối với các Công ty con do Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ còn lại thì tùy thuộc vào quy mô hoạt động và mô hình tổ chức, Thủ trưởng đơn vị có thể thành lập Phòng Pháp chế hoặc bộ phận pháp chế chuyên trách tại một phòng chức năng khác. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng Ban/Phòng Pháp chế, cán bộ phụ trách pháp chế thực hiện theo Quy chế về công tác cán bộ của EVN và của Đơn vị.

c) Đối với các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam: trên cơ sở nhu cầu sản xuất, kinh doanh và quy mô hoạt động, mô hình tổ chức của đơn vị mình, Thủ trưởng các đơn vị lựa chọn hình thức tổ chức pháp chế cho phù hợp: có thể là Phòng Pháp chế hoặc Bộ phận pháp chế chuyên trách hoặc cán bộ pháp chế chuyên trách. Trong trường hợp có khó khăn về việc bố trí lao động thì có thể bố trí cán bộ pháp chế làm việc kiêm nhiệm nhưng trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực, Thủ trưởng các đơn vị cần phải bố trí cán bộ pháp chế chuyên trách hoặc thành lập Phòng Pháp chế hoặc Bộ phận pháp chế chuyên trách.

Điều 15. Tiêu chuẩn của cán bộ pháp chế

1. Đối với Ban Pháp chế của Cơ quan EVN

Tiêu chuẩn người làm công tác pháp chế tại Cơ quan EVN phải đảm bảo các yêu cầu theo Quy định về tiêu chuẩn viên chức chuyên môn nghiệp vụ, Quy chế về công tác cán bộ do EVN ban hành và phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban Pháp chế

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có đủ sức khỏe để đảm đương công việc;

- Có trình độ Cử nhân luật trở lên;

- Sử dụng thành thạo máy vi tính; sử dụng ít nhất 01 ngoại ngữ ở trình độ giao tiếp, đọc hiểu các tài liệu nước ngoài;

- Có thời gian trực tiếp làm công tác pháp luật từ 03 năm trở lên.

b) Chuyên viên pháp chế

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe để đảm đương công việc;

- Có trình độ Cử nhân luật hoặc tương đương trở lên;

- Sử dụng thành thạo máy vi tính, sử dụng ít nhất 01 ngoại ngữ trình độ giao tiếp và đọc hiểu tài liệu nước ngoài.

2. Đối với người làm công tác pháp chế tại Đơn vị

Tiêu chuẩn người làm công tác pháp chế tại đơn vị đảm bảo theo Quy định về tiêu chuẩn viên chức chuyên môn nghiệp vụ, Quy chế về công tác cán bộ do Đơn vị ban hành và phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Cán bộ phụ trách pháp chế

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có đủ sức khỏe đảm đương công việc;
- Có trình độ cử nhân luật hoặc tương đương trở lên;
- Sử dụng thành thạo máy vi tính; sử dụng ít nhất 01 ngoại ngữ ở trình độ đọc hiểu tài liệu và giao tiếp được;
- Có thời gian trực tiếp làm công tác pháp luật từ 01 năm trở lên.

b) Chuyên viên pháp chế:

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe để đảm đương công việc;
- Có trình độ cử nhân luật hoặc trình độ đại học chuyên ngành khác thì phải qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về chuyên môn, nghiệp vụ công tác pháp chế;
- Sử dụng thành thạo máy vi tính; sử dụng ít nhất 01 ngoại ngữ ở mức đọc hiểu tài liệu nước ngoài.

c) Cán sự pháp chế:

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe để đảm đương công việc;
- Có trình độ trung cấp và qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về chuyên môn, nghiệp vụ công tác pháp chế;
- Sử dụng thành thạo máy vi tính.

Chương IV **QUAN HỆ PHÂN CÔNG VÀ PHỐI HỢP CÔNG TÁC**

Điều 16. Quan hệ phân công công tác trong Cơ quan EVN và tại các Đơn vị.

1. Trưởng Ban Pháp chế của Cơ quan EVN chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên EVN, Tổng Giám đốc EVN về mọi hoạt động pháp chế tại Cơ quan EVN. Cán bộ phụ trách pháp chế tại Đơn vị chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng đơn vị về mọi hoạt động pháp chế của Đơn vị.

2. Tùy theo tính chất công việc và tình hình cụ thể trong Ban, Phòng, Trưởng Ban Pháp chế hoặc cán bộ phụ trách pháp chế tại Đơn vị có thể xem xét giao việc cho một chuyên viên pháp chế phụ trách, các chuyên viên pháp chế khác cùng phối hợp giải quyết công việc.

3. Chuyên viên pháp chế được giao phụ trách công việc sẽ là người chịu trách nhiệm chính về công việc được giao. Các chuyên viên phối hợp phải tích cực, chủ động trong quá trình giải quyết công việc. Trong trường hợp công việc đòi hỏi sự giúp đỡ hoặc tham gia của các chuyên viên trong các lĩnh vực khác nhau, chuyên viên pháp chế được giao phụ trách công việc có thể kiến nghị với Trưởng Ban Pháp chế hoặc cán bộ phụ trách pháp chế tại Đơn vị đề nghị sự giúp đỡ của các cán bộ khác trong Ban, Phòng chức năng khác. Các Ban, Phòng chức năng khác có trách nhiệm cử chuyên viên cùng tham gia hỗ trợ về lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ của mình.

Điều 17. Quan hệ phối hợp công tác pháp chế giữa Cơ quan EVN và các Đơn vị

1. Trên cơ sở các văn bản liên quan đến hoạt động pháp chế của các cơ quan Nhà nước, Ban Pháp chế của Cơ quan EVN có trách nhiệm hướng dẫn các Đơn vị lập kế hoạch triển khai thực hiện công tác pháp chế tại Đơn vị. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề khó khăn, vướng mắc hoặc kiến nghị thì Đơn vị phải có văn bản báo cáo về EVN xem xét, hướng dẫn.

2. Căn cứ vào chương trình, kế hoạch công tác pháp chế hàng năm của EVN, các Đơn vị xây dựng chương trình, kế hoạch công tác pháp chế năm của mình và triển khai thực hiện. Chương trình công tác, kế hoạch công tác pháp chế của Đơn vị phải được báo cáo về EVN để theo dõi và cùng phối hợp triển khai.

3. Hàng năm, các Đơn vị phải báo cáo EVN về tình hình thực hiện công tác pháp chế ở Đơn vị mình, những vấn đề đã giải quyết, đang giải quyết, những vướng mắc chưa xử lý được và đưa ra kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác pháp chế của Đơn vị mình nói riêng và pháp chế trong EVN nói chung. Nội dung báo cáo sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 20 của Quy chế này.

4. Định kỳ hàng năm, EVN sẽ kiểm tra việc thực hiện các nội dung công tác pháp chế tại các Đơn vị.

5. Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác pháp chế trong toàn EVN.

Điều 18. Quan hệ phối hợp giữa tổ chức pháp chế và các Ban, Phòng chức năng

1. Khi được các Ban, Phòng chức năng yêu cầu kèm theo ý kiến chỉ đạo của Hội đồng thành viên EVN, Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng đơn vị, tổ chức pháp chế có trách nhiệm bố trí người cùng các Ban, Phòng chức năng tham gia giải quyết công việc. Nếu vì lý do công việc không thể bố trí người tham gia trực tiếp, tổ chức pháp chế phải đề nghị các Ban, Phòng chức năng cung cấp tài liệu liên quan đến công việc, tiến hành nghiên cứu và đưa ra ý kiến bằng văn bản.

2. Trường hợp có sự phối hợp công tác giữa nhiều Ban, Phòng chức năng trong Cơ quan EVN, Đơn vị thì cán bộ pháp chế chỉ chịu trách nhiệm về mặt pháp lý đối với các hoạt động mình tham gia. Cán bộ thuộc các Ban, Phòng chức năng sẽ phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin liên quan đến chuyên môn của từng Ban, Phòng. Việc tham gia phối hợp giải quyết công việc với các

Ban, Phòng chức năng khác phải có ý kiến chỉ đạo của Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng đơn vị.

3. Khi tham gia vào Tổ công tác được thành lập theo một Quyết định độc lập của Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng đơn vị thì cán bộ pháp chế sẽ phải tuân thủ theo các quy định liên quan đến chức năng và nhiệm vụ của Tổ công tác và chỉ chịu trách nhiệm về tính pháp lý đối với các hoạt động mình tham gia.

4. Các Quy chế quản lý nội bộ do các Ban, Phòng chức năng soạn thảo trước khi trình Hội đồng thành viên EVN, Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng đơn vị ký phát hành đều phải được gửi cho tổ chức pháp chế để thẩm định về tính pháp lý của văn bản. Ngay sau khi Hội đồng thành viên EVN, Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng đơn vị ký ban hành, Ban, Phòng chức năng chủ trì việc soạn thảo phải gửi tổ chức pháp chế một bản để theo dõi việc triển khai thực hiện và để thực hiện nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa.

Điều 19. Quan hệ phối hợp công tác pháp chế giữa tổ chức pháp chế và các cơ quan chức năng của Nhà nước

1. Tổ chức pháp chế tại Cơ quan EVN và các Đơn vị khi được sự ủy quyền của Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng đơn vị sẽ thay mặt Cơ quan EVN, Đơn vị tiến hành các giao dịch liên quan đến công việc được giao với các cơ quan bảo vệ pháp luật.

2. Ban Pháp chế tại Cơ quan EVN có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Vụ Pháp chế Bộ Công Thương, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, Tòa án nhân dân các cấp, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp và các cơ quan có liên quan để đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Ban Pháp chế tại Cơ quan EVN phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan tổ chức Hội nghị tổng kết công tác pháp chế trong ngành nói riêng và hoạt động pháp chế nói chung trên cơ sở đó đề ra các giải pháp nhằm khắc phục những vướng mắc hiện tại và hoàn thiện công tác pháp chế.

Điều 20. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ sáu tháng hoặc theo yêu cầu đột xuất, tổ chức pháp chế có trách nhiệm tổng hợp và lập báo cáo tình hình thực hiện công tác pháp chế gửi Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng đơn vị.

2. Hàng năm, các Đơn vị phải tiến hành tổng kết, tự đánh giá và lập báo cáo công tác pháp chế và chương trình công tác pháp chế trong năm tiếp theo gửi về EVN (Ban Pháp chế) trước ngày 10 tháng 12 hàng năm để tổng hợp và theo dõi. Báo cáo phải đề cập được các nội dung sau:

- Những công việc phát sinh trong năm;
- Những công việc đã giải quyết dứt điểm;
- Những công việc còn đang giải quyết dở dang;
- Những công việc còn vướng chưa giải quyết được;
- Kiến nghị hướng hoàn thiện công tác pháp chế...

